18

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ DẦU KHÍ NAM SÔNG HẬU

Hậu Giang, ngày 23 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 4
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 4
Điều 2: Giải thích từ ngữ 4
Điều 3: Nguyên tắc công bố thông tin 5
Điều 4: Người thực hiện công bố thông tin 7
Điều 5. Phương tiện công bố thông tin 7
Điều 6: Tạm hoãn công bố thông tin 8
CHƯƠNG II: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY 8
Điều 7: Công bố thông tin định kỳ 8
Điều 8: Công bố thông tin bất thường 13
Điều 9: Công bố thông tin theo yêu cầu 16
Điều 10: Công bố thông tin khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp 17
Điều 11: Công bố thông tin khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp 17
Điều 12: Công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu 17
Điều 13: Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ 18
CHƯƠNG III: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN 19
Điều 14: Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn 19
Điều 15: Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng 19
Điều 16: Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ 20
Điều 17: Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai 21
Chương IV. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN 21
Điều 18. Tổ chức công bố thông tin 21
Điều 19. Quy trình công bố thông tin 21
Điều 20. Bảo quản và lưu giữ thông tin 22
CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH 23
Điều 21: Trách nhiệm của người được ủy quyền công bố thông tin 23
Điều 22: Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng ban trong việc cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin 23

Điều 23: Tổ chức thực hiện – Xử lý vi phạm 24
Điều 24: Hiệu lực thi hành 24
PHỤ LỤC 01. TÓM TẮT MỘT SỐ NGHĨA VỤ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN 25
PHỤ LỤC 02. DANH MỤC MẪU BIỂU CHUNG 31
PHỤ LỤC 03. DANH MỤC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI SGDCK TP.HCM 32

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CBTT	Công bố thông tin
SGDCK	Sở Giao dịch chứng khoán
TTLKCKVN	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính và việc phối hợp quan hệ công tác giữa các phòng, ban, bộ phận của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng: Các đối tượng công bố thông tin chịu sự điều chỉnh của Quy chế này bao gồm:

a) Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu (sau đây gọi tắt là Công ty);

b) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Công ty;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.*Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:

a. Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;

b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty; cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty;

c. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;

d. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty

2.*Người nội bộ* của Công ty là:

a. Thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên Ban kiểm soát;

c. Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty quy định tại điều lệ Công ty;

d. Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán, người phụ trách kế toán;

e. Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.

3. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

Người thực hiện công bố thông tin là các đối tượng theo quy định tại Điều 4 Thông tư 155/2015/TT-BTC

4. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 5 quy chế này.

5. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

6. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết* của Công ty là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

7. *Tổ chức kiểm toán được chấp nhận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng* là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

8.*Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK

b. Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua SGDCK.

9. Luật Chứng khoán: là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

10.*Luật Doanh nghiệp*: là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

11. *Nghị định 58/2012/NĐ-CP* là Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

12. Nghị định 60/2015/NĐ-CP là Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

13. Thông tư 123/2015/TT-BTC là Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

14. *Thông tư 155/2015/TT-BTC* là Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

15. *Thông tư 162/2015/TT-BTC*là Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu.

Điều 3: Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo qui định của pháp luật và phải bảo đảm:

a. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi thông tin đã công bố trước đó;

b. Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;

c.Việc công bố các thông tin các nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.

3. Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này đăng ký thông tin liên hệ sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại trong thời hạn 24 giờ trước khi sự thay đổi thông tin liên hệ có hiệu lực theo mẫu CBTT/SGDHCM-01 kèm theo Quy chế CBTT tại SGDCK TP.HCM.

4. Các đối tượng quy định tại Điều 1 công bố thông tin (định kỳ/bất thường/theo yêu cầu) tới SGDCK TP.HCMtheo mẫu CBTT/SGDHCM-02 kèm theo Quy chế CBTT tại SGDCK TP.HCM và gửi kèm công văn thông tin công bố.

5. Việc công bố thông tin thực hiện theo đúng mẫu và bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC, Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan. Ngôn từ trong thông tin công bố cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho nhà đầu tư.

6. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty nêu rõ thông tin thay đổi và lý do thay đổi theo mẫu CBTT/SGDHCM-02 kèm theo Quy chế tại SGDCK TP.HCM và gửi kèm công văn thông tin đính chính.

7. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin trong tối thiểu 05 năm.

8. Ngôn ngữ thông tin công bố trên trang thông tin điện từ của Công ty là Tiếng Việt và Tiếng Anh, nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 4: Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin qua người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

a. Tổng Giám đốc có quyết định bằng văn bản ủy quyền cho 01 người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin.

b. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì 01 Phó Tổng giám đốc được ủy quyền của Tổng giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

c. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin cũng với Bản cung cấp thông tin của người đại diên theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cho UBCKNN, SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty đại chúng, Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a. Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDCK Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nếu trên;

b. Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về công bố thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin về những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

c. Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó và của người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/TT-BTC cho UBCKNN, SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện Công ty sử dụng công bố thông tin bao gồm:

a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;

b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (IDS plus);

c. Trang thông tin điện tử của SGDCK;

d. Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử…).
2. Công ty lập trang thông tin điện tử và cập nhật các thông tin công bố theo quy định trên trang thông tin điện tử như sau:
a. Công ty báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này.
b. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật;
c. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian, đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 6: Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,…). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 7: Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm

Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo nguyên tắc sau:
a. Báo cáo tài chính bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của một tổ chức khác, Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng Công ty và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp Công ty là doanh nghiệp cấp trên có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân thì phải công bố báo cáo tài chính năm của riêng Công ty và báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b. Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.

c. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không qua 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì gửi yêu cầu bằng văn bản tới UBCKNN để được xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính, nhưng thời gian công bố tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

2. Báo cáo tài chính bán niên

Công ty công bố Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a. Báo cáo tài chính bán niên là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b. Công ty công bố báo cáo tài chính đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc báo cáo tài chính bán niên tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp thì gửi yêu cầu bằng văn bản tới UBCKNN để được xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính, nhưng thời gian công bố tối đa không quá 60

ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

3. Báo cáo tài chính quý

Công ty công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) theo nguyên tắc sau:

a. Báo cáo tài chính quý là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ" được lập theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b. Công ty công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, báo cáo tài chính quý tổng hợp thì gửi yêu cầu bằng văn bản tới UBCKNN để được xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính, nhưng thời gian công bố tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1,2,3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong số các trường hợp sau:

a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c. Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d. Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chên lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Công ty giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở của báo cáo tài chính công ty.

6. Báo cáo thường niên

Công ty lập Báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố Báo

cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

7. Báo cáo quản trị Công ty

Định kỳ 06 tháng và năm, Công ty công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Đối với SGDCK, công ty gửi một (01) bản báo cáo theo mẫu Phụ lục số 05 kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC nhưng không bao gồm các thông tin cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

Thời hạn công bố thông tin theo Báo cáo tình hình quản trị công ty chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

8. Tổ chức niêm yết gửi Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty 06 tháng đầu năm và cả năm dương lịch gửi đến SGDCK.

a. Tài liệu bao gồm:

- Một (01) bản báo cáo theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 kèm theo Quy chế CBTT tại SGDCK TP.HCM.
- Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel.

b. Thời hạn gửi: Báo cáo 06 tháng đầu năm chậm nhất là ngày 30/07 và báo cáo năm chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.

9. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

a. Trường hợp lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm:

- Thông báo mời họp;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị;
- Các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;

c. Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp,

tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông.
d. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố theo quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 8 Quy chế này.
10. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn
a. Trường hợp bán cổ phiếu ra công chúng:
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Công ty công bố Bản thông báo phát hành trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết có phạm vi phát hành toàn quốc trong ba số liên tiếp theo mẫu tại Phụ lục số 11 và 12 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Bản thông báo phát hành và Bản báo cáo bạch chính thức cũng phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và SGDCK.
- Công ty báo cáo kết quả đợt chào bán chứng khoán cho UBCKNN và công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Tài liệu báo cáo và công bố thông tin về kết quả chào bán bao gồm:
Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán theo mẫu tại Phụ lục số 13 và 14 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC;
Xác nhận của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán.
- Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án, hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo UBCKNN và phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 60/2015/NĐ-CP và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Công ty phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.
b. Trường hợp Chào bán cổ phần riêng lẻ: Tổ chức phát hành phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp công ty đại chúng chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.
11. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Công ty công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện của của Công ty, của SGDCK và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

12. Gửi danh sách cổ đông nhà nước,cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ

Công ty gửi Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty theo sổ cổ đông gần nhất tại thời điểm 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm dương lịch đến SGDCK. Tài liệu bao gồm:

a. Một (01) bản báo cáo theo mẫu CBTT/SGDHCM-04 kèm theo Quy chế Công bố thông tin của SGDCK TP.HCM.

b. Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel.

Thời hạn gửi:

a. Báo cáo 06 tháng đầu năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10/06.

b. Báo cáo 06 tháng cuối năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10/12.

Điều 8: Công bố thông tin bất thường

1. Công ty công bố thông tin bất thường (nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)) trong thời gian 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty;

b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong Báo cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

c. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d. Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc để giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

Đối với SGDCK TP.HCM, công ty sử dụng mẫu CBTT/SGDHCM-07 kèm theo Quy chế CBTT tại SGDCK TP.HCM.

i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

j. Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

k. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin được thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua công ty chứng khoán, Công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

Công bố thông tin với SGDCK: thực hiện theo mẫu CBTT/SGDHCM-08 kèm theo Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TP.HCM.

l. Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung.

m. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC; đối với SGDCK công ty gửi kèm Danh sách người nội bộ

và người có liên quan theo mẫu CBTT/SGDHCM-05 kèm theo Quy chế CBTT tại SGDCK TP.HCM

n. Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ Công ty;

o. Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm phát luật về thuế;

p. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

q. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thu lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

r. Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

s. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết dịnh góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

t. Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài;

u. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Việc công bố thông tin về Đại hội cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 7 Quy chế này;

b. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, SGDCK, báo cáo UBCKNN, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến; trừ trường hợp công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng chốt quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Khoản 8 Điều 7 Quy chế này.

Ngoài ra, trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng, tổ chức niêm yết gửi cho SGDCK các tài liệu sau:

- Một (01) bản tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu CBTT/SGDHCM-09 kèm theo Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TP.HCM.
- Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

Trường hợp Công ty hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền của SGDCK, Công ty gửi thông báo bằng văn bản cho SGDCK nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về việc hủy nội dung thông báo.

4. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

a. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

b. Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

c. Sau khi chi tách, hợp nhất, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Điều 9: Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết;

a. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10: Công bố thông tin khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

Khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 quy chế này.

Điều 11: Công bố thông tin khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp

1. Khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng. Công ty thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.

2. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu, cụ thể như sau:

a. Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm, báo cáo bán niên theo quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 7 Quy chế này.

Trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho các dự án đầu tư cụ thể đã xác định, định kỳ 06 tháng kể từ tháng có ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc khi đã giải ngân hết số tiền đã huy động, Công ty phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (định kỳ 06 tháng), Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

b. Công bố thông tin bất thường theo quy định tại điểm a, b, f, h và q khoản 1 Điều 8 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có).

Trường hợp có sự thay đổi mục đích sử dụng vốn so với nội dung đã nêu tại bản báo cáo bạch, Công ty phải công bố thông tin về lý do và quyết định, nghị quyết Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi có quyết định về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn.

c. Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu.

d. Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 9 quy chế này.

Điều 12: Công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu, Công ty phải công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc phát hành theo thời hạn như sau:

a. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 19 ban hành kèm theo Thông tư 162/TT-BTC.

b. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc

việc thu mua cổ phiếu hoặc chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng theo mẫu tại Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

2. Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo thời hạn như sau:

a. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 21 ban hành kèm theo Thông tư số 162/TT-BTC.

b. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động theo mẫu tại Phụ lục số 22 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu phải kèm theo danh sách người lao động tham gia chương trình trong đó nêu cụ thể về số lượng cổ phần của từng người lao động được tham gia.

3. Công ty tiến hành đăng ký niêm yết/ giao dịch bổ sung với SGDCK đối với số lượng cổ phiếu đã phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UBCKNN gửi thông báo kết quả phát hành cho Công ty.

Điều 13: Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo Phụ lục số 24 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ được thực hiện ít nhất sau 07 ngày làm việc kể từ ngày Công ty công bố thông tin.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo mẫu tại Phụ lục số 25 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Trong trường hợp công ty không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, công ty phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.

3. Công ty khi mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ phải thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK. Nội dung và thời điểm công bố thông tin theo khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong số kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG III: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 14: Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trưởng hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm…) phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty trong thời hạn 07 ngày, kể từ khi có sự thay đổi trên theo Phụ lục số 07 ban hành kèm Thông tư 155/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nếu tại khoản 1, khoản 3 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 7, Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 15: Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng

1. Chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch, cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật phải gửi báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán và Công ty về việc thực hiện giao dịch theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng nêu trên.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán và Công ty về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

3. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập theo quy định tại Điều này, Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 16: Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi…) theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Thời hạn thực hiện giao dịch không quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ, kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK.

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được các giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo thông tư 155/2015/TT-BTC.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này

4. Trường hợp người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (Công đoàn, đoàn thành niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

6. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 17: Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

1. Cá nhân, tổ chức khi đăng ký chào mua công khai phải đính kèm hồ sơ Bản công bố thông tin chào mua công khai theo mẫu tại Phụ lục số 29 ban hành kèm theo thông tư 162/2015/TT-BTC.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai, tổ chức hoặc cá nhân thực hiện chào mua công khai phải gửi UBCKNN báo cáo kết quả chào mua công khai, đồng thời công bố thông tin về kết quả chào mua công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng bao gồm trang thông tin của SGDCK trong trường hợp cổ phiếu được chào mua công khai được niêm yết trên SGDCK.

3. Báo cáo kết quả chào mua công khai được lập theo mẫu tại Phụ lục số 30 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

Chương IV. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 18. Tổ chức công bố thông tin

1. Thông tin Công ty có nghĩa vụ công bố

a) Công bố thông tin định kì được thực hiện theo một quy trình đảm bảo thông tin luôn được công bố kịp thời, đúng quy định;

b) Các thông tin bất thường về thời gian nhưng thường xuyên phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng được thực hiện theo một quy trình có thể kiểm soát;

c) Các thông tin bất thường khác và thông tin công bố theo yêu cầu phải có quy định xử lý từ khi tiếp nhận thông tin đến khi công bố thông tin;

2. Các thông tin Công ty tiếp nhận từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố

a) Công ty lập, lưu trữ thông tin, cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân, nhóm người sở hữu 5% sổ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết để theo dõi nghĩa vụ công bố thông tin.

b) Công ty lập, lưu trữ danh sách, thông tin người nội bộ và người có liên quan người nội bộ. Danh sách và thông tin được cập nhật thường xuyên mỗi khi có thay đổi.

c) Việc tiếp nhận, xử lý thông tin từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố ở Điểm a, b Khoản này và các đối tượng khác, sau đó Công ty thực hiện công bố theo quy định phải được xác lập bằng một quy trình có thể kiểm soát.

Điều 19. Quy trình công bố thông tin

1. Tiếp nhận yêu cầu công bố thông tin

a) Thông tin định kì đã được xác lập về thời gian và giao cho từng cá nhân, đơn vị cụ thể có trách nhiệm xử lý thông tin.

b) Việc tiếp nhận từng loại thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu phải công bố phải được giao cụ thể cho từng đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận. Khi có thông tin đến, bất cứ

cá nhân, đơn vị nào tiếp nhận cũng phải được chuyển đến đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận để xử lý chuyển tiếp.

2. Xử lý thông tin

a) Xử lý thông tin là quá trình tạo ra thông tin để công bố.

b) Các cá nhân, đơn vị được giao trách nhiệm xử lý thông tin có quyền yêu cầu trong nội bộ Công ty cũng như các đơn vị có vốn góp của Công ty, hoặc các đối tượng liên quan khác cung cấp thông tin để phục vụ xử lý thông tin, phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

c) Thông tin sau khi xử lý phải được người có trách nhiệm phê duyệt.

d) Thông tin phải có định dạng sau:

- Văn bản là bản chính có đầy đủ dấu và chữ kí hợp lệ theo quy định của pháp luật;
- File dữ liệu điện tử:

+ File có định dạng DOC và EXCEL phải ghi đầy đủ tên và chức vụ người kí văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;

+ File có đinh dạng PDF phải từ văn bản gốc có chữ kí và dấu màu đỏ của Công ty

- File điện tử bản tiếng Việt thống nhất cách đặt tên không dấu, ví dụ "dd/mm/yyyy-Mã CK-Bao cao tai chinh rieng nam 2017", " dd/mm/yyyy-Mã CK-Bao cao tai chinh hop nhat nam 2017" và tên phải đồng nhất khi có các định dạng khác nhau.

3. Gửi thông tin công bố

a) Thông tin sau khi được phê duyệt công bố, thông tin được chuyển đến Tổng Giám đốc/Người được ủy quyền công bố thông tin.

b) Thông tin văn bản được gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại trụ sở UBCKNN, SGDCK đồng thời gửi thông tin dưới dạng file điện tử cho UBCKNN, SGDCK theo hình thức được quy định. Trong trường hợp khẩn cấp, thông tin văn bản có thể gửi qua fax và đồng thời gửi bản chính cho UBCKNN, SGDCK.

c) Bộ phận tin học Công ty đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty tại chuyên mục "Quan hệ cổ đông". Trong chuyên mục "Quan hệ cổ đông" có các tiểu mục được quy đinh cho từng loại thông tin cụ thể.

4. Kiểm tra, nhận phản hồi

a) Đơn vị xử lí thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin được công bố. Trường hợp phát hiện có sai lệch với thông tin công bố, thì phải báo cáo cho Tổng Giám đốc và người được uỷ quyền công bố thông tin.

b) Trường hợp bên nhận thông tin do Công ty công bố phản hồi về tính chính xác của thông tin, thì các thông tin phản hồi được chuyển về đơn vị có trách nhiệm xử lý báo cáo Tổng Giám đốc và người được uỷ quyền công bố thông tin, đồng thời đề xuất cách xử lý và cải chính thông tin.

Điều 20. Bảo quản và lưu giữ thông tin

1. Về nguyên tắc chung việc lưu giữ các thông tin được công bố là vô thời hạn hoặc tuân thủ theo các quy định riêng của từng loại thông tin. Việc huỷ thông tin theo một thời hạn nhất định (nếu có) phải đảm bảo điều kiện quy định tại Khoản 7 Điều 3 Quy chế này.

Việc huỷ thông tin trên các phương tiện công bố thông tin không đồng nhất với việc huỷ thông tin (gốc).

2. Các thư điện tử dùng để gửi thông tin chỉ được xoá khi chắc chắn không còn giá trị tham chiếu về việc gửi thông tin.

3. Thông tin công bố phải được lập hồ sơ lưu giữ tại Văn phòng tổng hợp và đơn vị xử lý thông tin.

4. Việc lưu trữ thông tin phải đảm bảo khả năng truy cập nhanh chóng mỗi khi cần đến.

CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 21: Trách nhiệm của người được ủy quyền công bố thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin là đầu mối thu thập các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

2. Chức năng và nhiệm vụ của người được ủy quyền công bố thông tin:

a. Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, mẫn cán, có kiến thức về kế toán, tài chính và có kỹ năng nhất định về tin học.

b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định

d. Chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có quyền lợi liên quan theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

e. Chịu trách nhiệm xây dựng Báo cáo thường niên hàng năm của Công ty để thực hiện công bố thông tin theo quy định.

3. Điều chỉnh thông tin công bố:

Trường hợp sau khi thực hiện công bố thông tin, Công ty nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin công bố, người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin đó trong vòng 48 giờ, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/ đính chính các thông tin theo quy định.

Điều 22: Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng ban trong việc cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này.

Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho cán bộ chuyên trách.

Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định tại Điều 8,9 Quy chế này. Trường hợp các phòng ban chức năng (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

2. Người được ủy quyền công bố thông tin tổng hợp các thông tin, trình Phó Tổng Giám đốc phụ trách và Tổng Giám đốc phê duyệt: nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện, phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện công bố các thông tin theo quy định.

3. Người được ủy quyền công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Tổng Giám đốc kết quả thực hiện.

Điều 23: Tổ chức thực hiện – Xử lý vi phạm

1. Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Quy chế công bố thông tin được phổ biến đến toán bộ các phòng ban và cán bộ nhân viên của Công ty

3. Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây ra thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 24: Hiệu lực thi hành

Quy chế công bố thông tin này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ DẦU KHÍ NAM SÔNG HẬU
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 6300177249 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ DẦU KHÍ NAM SÔNG HẬU
H.CHÂU THÀNH - T.HẬU GIANG

MAI VĂN HUY

PHỤ LỤC 01. TÓM TẮT MỘT SỐ NGHĨA VỤ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ, BẤT THƯỜNG VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Khoản 1, Điều 8, Thông tư 155/2015/TT-BTC	
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC	
3	Báo cáo tài chính quý/ BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý/ trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét (nếu có)	Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC	
4	Báo cáo thường niên	Trong vòng hai mươi (20) ngày sau khi công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Khoản 1, Điều 8, Thông tư 155/2015/TT-BTC	Phụ lục số 04 Thông tư 155/2015/TT-BTC
5	Báo cáo quản trị công ty 06 tháng và năm	Chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.	Khoản 6, Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC; Khoản 3, Điều 7 Quy chế CBTT tại SGDCK TP.HCM	Phụ lục số 05 Thông tư 155/2015/TT-BTC (HOSE: gửi kèm thêm 01 bản không kèm thông tin cá nhân)
6	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty 06 tháng đầu năm và cả năm dương	Báo cáo 06 tháng đầu năm chậm nhất là ngày 30/07 và báo cáo năm chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.	Khoản 4, Điều 7 Quy chế CBTT tại SGDCK TP.HCM	- Một (01) bản báo cáo theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 kèm theo Quy CBTT tại

	lịch gửi đến SGDCK			SGDCK TP.HCM - Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel
7	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông	Khoản 3, Điều 8, Thông tư 155/2015/TT-BTC	
8	Công bố thông tin bất thường 24 giờ	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	Điều 9 và Điều 12 Thông tư 155/2015/TT-BTC	
9	Công bố thông tin theo yêu cầu	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN	Điều 10 và Điều 13 Thông tư 155/2015/TT-BTC	

II. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ VIỆC CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG

1. Báo cáo và công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán ra công chúng

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
1.1	Công bố thông tin về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	Điều 23 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 11 Thông tư 162/2015/TT-BTC
1.2	Công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu ra công chúng	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	Điều 23, Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 12 Thông tư 162/2015/TT-BTC
1.3	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Điều 24 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 13 Thông tư 162/2015/TT-BTC

1.4	Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Điều 24 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 14 Thông tư 162/2015/TT-BTC
1.5	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng	Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán	Mẫu số 05 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Mẫu số 05 Nghị định 58/2012/NĐ-CP
1.6	Báo cáo thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng	Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định của Hội đồng quản trị	Khoản 5 Điều 9 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Mẫu số 04 Nghị định 58/2012/NĐ-CP

2.Báo cáo và công bố thông tin vê việc phát hành thêm cổ phiếu

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
2.1	Công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền	Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 19 Thông tư 162/2015/TT-BTC
2.2	Công bố thông tin phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động	Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 20 Thông tư162/2015/TT-BTC
2.2	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/ phát	Trong thời hạn mười lăm (15) ngàykể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền	Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 21 Thông tư 162/2015/TT-BTC

	hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu			
2.3	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Trong thời hạn mười lăm (15) ngàykể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động	Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 22 Thông tư 162/2015/TT-BTC

3. Báo cáo và công bố thông tin mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
3.1	Công bố thông tin mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại/bán cổ phiếu quỹ	Điều 44 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 24 Thông tư 162/2015/TT-BTC
3.2	Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu	Điều 44 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 25 Thông tư 162/2015/TT-BTC
3.3	Thông báo quyết định của công ty về việc thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày có quyết định	Điều 46 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 26Thông tư 162/2015/TT-BTC
3.4	Thông báo thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận	Điều 46 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 27Thông tư 162/2015/TT-BTC

4.Báo cáo và công bố thông tin vê chào mua công khai

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
4.1	Công bố thông tin chào mua công khai	Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Điều 52 Nghị định 58/2012/NĐ-CP; Điều 51 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 29 Thông tư 162/2015/TT-BTC
4.2	Báo cáo kết quả chào mua công khai	Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Điều 52 Nghị định 58/2012/NĐ-CP; Điều 52 và Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 30 Thông tư 162/2015/TT-BTC

5. Báo cáo và công bố thông tin vê phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
5.1	Công bố thông tin về phát hành cổ phiếu làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài		Điều 54 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 32 Thông tư 162/2015/TT-BTC
5.2	Công bố thông tin về hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài		Điều 55Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 33 Thông tư 162/2015/TT-BTC

6.Báo cáo và công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
6.1	Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Điều 31 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	
6.2	Báo cáo thay đổi (điều chỉnh) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán tại nước ngoài	Định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Điều 32 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Mẫu số 06 Nghị định 58/2012/NĐ-CP
6.3	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam	Định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Điều 32 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Mẫu số 07 Nghị định 58/2012/NĐ-CP

7. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
7.1	Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Trong vòng mười (10) ngày kể từ khi hoàn thành đợt chào bán	Khoản 4 Điều 6 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Mẫu số 02 Nghị định 58/2012/NĐ-CP
7.2	Thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định của Hội đồng quản trị theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông	Khoản 4 Điều 7 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Mẫu số 03 Nghị định 58/2012/NĐ-CP

PHỤ LỤC 02. DANH MỤC MẪU BIỂU CHUNG
(THEO THÔNG TƯ 155/2015/TT-BTC, ĐƯỢC SỬ DỤNG CHO CBTT TẠI UBCKNN VÀ SGDCK)

Phụ lục số 01	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin dành cho tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin
Phụ lục số 02	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin dành cho nhà đầu tư cá nhân có nghĩa vụ công bố thông tin
Phụ lục số 03	Bản cung cấp thông tin của người nội bộ
Phụ lục số 04	Báo cáo thường niên
Phụ lục số 05	Báo cáo tình hình quản trị công ty
Phụ lục số 06	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn
Phụ lục số 07	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn
Phụ lục số 08	Thông báo giao dịch của cổ đông sáng lập
Phụ lục số 09	Báo cáo kết quả giao dịch của cổ đông sáng lập
Phụ lục số 10	Thông báo giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
Phụ lục số 11	Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan
Phụ lục số 12	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan
Phụ lục số 13	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ, và người có liên quan

PHỤ LỤC 03. DANH MỤC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI SGDCK TP.HCM
(THEO QUY CHẾ CBTT TẠI SGDCK TP.HCM, SỬ DỤNG RIÊNG CHO CBTT TẠI SGDCK TP.HCM)

SGDCK TP.HCM	DIỄN GIẢI
CBTT/SGDHCM-01	Đăng ký thông tin liên hệ của tổ chức
CBTT/SGDHCM-02	Công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước và SGDCK TP.HCM
CBTT/SGDHCM-03	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty
CBTT/SGDHCM-04	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ
CBTT/SGDHCM-05	Danh sách người nội bộ và những người có liên quan
CBTT/SGDHCM-06	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ
CBTT/SGDHCM-07	Đăng ký mô hình công ty và loại Báo cáo tài chính
CBTT/SGDHCM-08	Công bố thông tin thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu đang lưu hành
CBTT/SGDHCM-09	Tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày _ để _
CBTT/SGDHCM-10	Tóm tắt danh sách nhà đầu tư của quỹ/Công ty ĐTCK _ tại ngày _ để _